

Số: 4652/2015/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 11 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội; chế độ đối với người nghiện ma túy cai nghiện tại gia đình và cộng đồng; cơ chế quản lý, sử dụng tiền đóng góp cai nghiện ma túy tại Trung tâm, tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 09/12/2000; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy ngày 03/6/2008;

Căn cứ Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09/9/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng;

Căn cứ Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08/10/2014 của liên Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hoá tại Tờ trình số 2490/TTr-SLĐTBXH ngày 23/9/2015 về việc quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội; chế độ đối với người nghiện ma túy cai nghiện tại gia đình và cộng đồng; cơ chế quản lý, sử dụng tiền đóng góp cai nghiện ma túy tại Trung tâm và tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh và hồ sơ có liên quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục -

Lao động xã hội; chế độ đối với người nghiện ma túy cai nghiện tại gia đình và cộng đồng; cơ chế quản lý, sử dụng tiền đóng góp cai nghiện ma túy tại Trung tâm và tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 679/2013/QĐ-UBND ngày 25/02/2013 của UBND tỉnh Thanh Hoá.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hoá; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Bộ LĐTBXH (để báo cáo);
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- TTtr Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX_{sin}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



A handwritten signature in black ink, appearing to read 'Phạm Đăng Quyền', written over a horizontal line.

Phạm Đăng Quyền

QUY ĐỊNH

Quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội; chế độ đối với người nghiện ma túy cai nghiện tại gia đình và cộng đồng; cơ chế quản lý, sử dụng tiền đóng góp cai nghiện ma túy tại Trung tâm, tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4652/2015/QĐ-UBND ngày 11/11/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Văn bản này Quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật xử lý vi phạm hành chính; người chưa thành niên nghiện ma túy chữa trị cai nghiện bắt buộc; người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội của tỉnh (sau đây gọi tắt là Trung tâm); chế độ đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cai nghiện tại cộng đồng; chế độ đối với cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện tại gia đình và cộng đồng; cơ chế quản lý, sử dụng tiền đóng góp cai nghiện ma túy tại Trung tâm, tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

2. Các nội dung khác, thực hiện theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08/10/2014 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị, các địa phương sử dụng nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ chữa trị, cai nghiện ma túy tại Trung tâm và tham gia công tác cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng.

2. Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật xử lý vi phạm hành chính.

3. Người chưa thành niên nghiện ma túy chữa trị cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm; người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm và người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tại gia đình và cộng đồng theo Luật phòng, chống ma túy.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm; hỗ trợ và miễn, giảm chi phí cho các đối tượng quy định tại Quy định này được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các cơ quan, đơn vị theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Việc lập, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

Chương II

NỘI DUNG, MỨC CHI CHO HỌC VIÊN TRONG THỜI GIAN CHẤP HÀNH QUYẾT ĐỊNH TẠI CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC

Điều 4. Nội dung chi, mức chi cho học viên trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc:

1. Chi phí cai nghiện, chăm sóc sức khỏe: Thực hiện theo quy định tại điểm a,b,c khoản 1 Điều 5, Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐT BXH ngày 08/10/2014.

2. Tiền trang bị quần áo và đồ dùng sinh hoạt thiết yếu, học văn hóa: thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 24 và Điều 25 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

3. Tiền ăn: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP, với định mức như sau: Gạo 17 kg, thịt hoặc cá 1,5 kg, đường bình thường 0,5 kg, muối 1,0 kg, bột ngọt 0,5 kg, nước mắm 01 lít, rau xanh 15 kg, chất đốt 15 kg củi hoặc tương đương.

Ngày lễ, Tết Dương lịch học viên được ăn thêm không quá 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày lễ Tết Nguyên đán học viên được ăn thêm không quá 05 lần tiêu chuẩn ngày thường.

4. Tiền hoạt động văn nghệ, thể thao: 70.000 đồng/người/năm

5. Tiền điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/người/tháng.

6. Tiền ăn đường, tiền tàu xe: Học viên thuộc đối tượng là thân nhân người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, thuộc gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo, sau khi chấp hành xong quyết định cai nghiện bắt buộc, trở về nơi cư trú được cấp tiền ăn đường, tiền tàu xe như sau:

- Tiền ăn là 40.000 đồng/người/ngày trong những ngày đi đường; tối đa không quá 3 ngày.

- Tiền tàu xe theo giá phương tiện phổ thông.

7. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Điều 5, Thông tư Liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐT BXH ngày 08/10/2014.

Đối với các mức chi được quy định bằng hiện vật, giao các Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội, căn cứ tình hình thực tế, hàng năm lập dự toán, báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương III

NỘI DUNG, MỨC CHI CHO NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN CHỮA TRỊ, CAI NGHIỆN BẮT BUỘC TRONG THỜI GIAN CHẤP HÀNH QUYẾT ĐỊNH TẠI TRUNG TÂM

Điều 5. Các khoản chi phí cho người chưa thành niên chữa trị, cai nghiện bắt buộc trong thời gian chấp hành quyết định tại Trung tâm

1. Tiền trang bị quần áo và đồ dùng sinh hoạt thiết yếu, học văn hóa: thực hiện theo quy định tại các Điều 41 và Điều 42 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP. Căn cứ vào định mức hiện vật trang bị cho người chưa thành niên,

2. Chi phí cai nghiện, chăm sóc sức khỏe: thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 4 quy định này. Chi phí điều trị đối với người chưa thành niên bị ốm nặng hoặc mắc bệnh hiểm nghèo trong thời gian nằm viện mà không có thể bảo hiểm y tế được Trung tâm hỗ trợ toàn bộ chi phí khám bệnh, chữa bệnh. Trường hợp người chưa thành niên có thể bảo hiểm y tế còn thời hạn sử dụng được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế và các văn bản hướng dẫn. Trung tâm hỗ trợ phần chi phí khám bệnh, chữa bệnh còn lại không được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán.

3. Chi cho các nội dung khác, chi theo quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7, Điều 4 quy định này.

Đối với các mức chi được quy định bằng hiện vật, giao các Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội, căn cứ tình hình thực tế, hàng năm lập dự toán, báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương IV

CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP VÀ CHẾ ĐỘ MIỄN, GIẢM ĐỐI VỚI NGƯỜI TỰ NGUYỆN CHỮA TRỊ, CAI NGHIỆN TẠI TRUNG TÂM

Điều 6. Các khoản đóng góp

Người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm phải đóng góp toàn bộ chi phí trong thời gian ở Trung tâm (trừ trường hợp được miễn, giảm theo quy định tại Điều 8) gồm các khoản chi phí và mức đóng góp như sau:

1. Các khoản đóng góp và mức đóng góp một lần: 1.420.000,0 đồng, bao gồm:

a) Tiền mua sắm vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết: 400.000,0 đồng gồm 02 bộ quần áo đồng phục, 01 chiếu, 01màn, 01 gối (các vật dụng khác người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm tự mua sắm).

b) Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn, cấp cứu, xét nghiệm và thuốc điều trị các bệnh cơ hội khác: 650.000,0 đồng.

c) Chi phí hoạt động văn nghệ, thể thao: 70.000,0 đồng.

d) Tiền đóng góp xây dựng cơ sở vật chất: 300.000,0 đồng.

2. Các khoản đóng góp và mức đóng góp hàng tháng: 1.130.000,0 đồng, gồm:

a) Tiền ăn: 30.000,0 đồng/người/ngày.

b) Tiền thuốc chữa bệnh thông thường: 50.000,0 đồng/người/tháng.

c) Tiền điện, nước, vệ sinh: 80.000,0 đồng/người/tháng.

d) Tiền phục vụ, quản lý: 100.000,0 đồng/người/tháng.

3. Tiền học nghề:

Người nghiện ma túy có nhu cầu học nghề thì đóng góp kinh phí học nghề trình độ sơ cấp nghề, mức tối đa 3.000.000,0 đồng/người/khóa học.

Điều 7. Thời gian đóng góp

1. Các khoản đóng góp theo quy định tại khoản 1 Điều 6: người nghiện ma túy nộp một lần khi vào Trung tâm.

2. Các khoản đóng góp quy định tại khoản 2 Điều 6: người nghiện ma túy nộp trước số tiền 6 tháng đầu khi vào Trung tâm, từ tháng thứ 7 trở đi nộp hàng tháng vào cuối tháng trước đó.

3. Tiền học nghề: Người cai nghiện ma túy nếu có nhu cầu học nghề (theo nghề lựa chọn) thì đóng góp 1 lần khi đăng ký học nghề.

Điều 8. Chế độ miễn, giảm đóng góp

1. Người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm thuộc một trong các đối tượng sau đây được miễn đóng góp:

a) Người thuộc diện chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

b) Người thuộc hộ nghèo theo quy định hiện hành.

c) Người chưa thành niên.

d) Người khuyết tật.

đ) Người thuộc diện Bảo trợ xã hội.

e) Người bị nhiễm HIV/AIDS không còn khả năng lao động.

2. Người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm thuộc một trong các đối tượng sau đây được giảm 50% mức đóng góp:

a) Người thuộc hộ cận nghèo.

b) Người có hộ khẩu thường trú tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ.

3. Giao Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh xem xét, quyết định việc miễn, giảm cho từng người cụ thể thuộc đối tượng miễn, giảm mức đóng góp quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

Điều 9. Thủ tục xét miễn, giảm mức đóng góp chi phí cho người nghiện ma túy là người thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; người chưa thành niên; người khuyết tật; người bị nhiễm HIV/AIDS không có khả năng lao động; người có hộ khẩu thường trú tại vùng đặc biệt khó khăn, tự nguyện cai nghiện tại các Trung tâm chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Thanh Hóa, như sau:

a) Trình tự thực hiện:

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, những người thuộc đối tượng miễn, giảm mức đóng góp chi phí, phải hoàn thành việc chuẩn bị hồ sơ và nộp hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm mức đóng góp chi phí cho bộ phận hành chính của Trung tâm.

- Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc nhận hồ sơ của đối tượng, Giám đốc Trung tâm có trách nhiệm thẩm tra, lập hồ sơ, quyết định tiếp nhận của Giám đốc trung tâm và lập danh sách đối tượng thuộc diện xét miễn, giảm (nêu rõ mức miễn, giảm cho từng người) kèm theo Tờ trình; trình Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Giám đốc Trung tâm, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh có trách nhiệm xem xét, ban hành quyết định miễn, giảm mức đóng góp chi phí.

b) Cách thực hiện: Những người thuộc đối tượng miễn, giảm mức đóng góp chi phí trực tiếp nộp hồ sơ tại bộ phận hành chính của Trung tâm.

c) Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị miễn, giảm mức đóng góp chi phí trong đó nêu rõ đối tượng thuộc diện được miễn, giảm mức đóng góp chi phí: 01 bản chính.

- Bản sao giấy tờ xác nhận đối tượng thuộc diện được miễn, giảm mức đóng góp chi phí do cơ quan có thẩm quyền cấp: 01 bản

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của đối tượng. Trong đó tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội của tỉnh tối đa không quá 11 ngày; tại Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh tối đa không quá 07 ngày.

Chương V

NỘI DUNG, MỨC CHI CHO CÔNG TÁC TỔ CHỨC CẢI NGHIỆN MA TÚY TẠI GIA ĐÌNH VÀ CỘNG ĐỒNG; CHẾ ĐỘ ĐÓNG GÓP VÀ MIỄN GIẢM, HỖ TRỢ TIỀN THUỐC CẮT CỜ NGHIỆN MA TÚY

Điều 10. Nội dung, mức chi cho công tác tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng

1. Nội dung chi và mức chi (trừ mức chi hỗ trợ cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện tại gia đình và cộng đồng): thực hiện theo quy định tại Điều 10, Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH.

2. Số lượng và mức chi hỗ trợ cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện tại gia đình và cộng đồng.

a) Số lượng cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện tại gia đình và cộng đồng:

Cấp xã: 01 người/xã đối với các xã, phường, thị trấn có từ 05 người cai nghiện trở xuống; 02/người/xã đối với các xã, phường, thị trấn có từ 06 đến 10

người cai nghiện; 03 người/xã đối với các xã, phường, thị trấn có trên 10 người cai nghiện.

Cấp huyện: 01 người (thuộc phòng Lao động - Thương binh và Xã hội).

Cấp tỉnh: 06 người (thuộc Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội).

b) Mức chi hỗ trợ cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện tại gia đình và cộng đồng:

Cấp xã: 200.000 đồng/người/tháng đối với các xã, phường, thị trấn miền xuôi; 250.000 đồng/người/tháng đối với các xã, thị trấn miền núi.

Cấp huyện: 250.000 đồng/người/tháng đối với huyện miền xuôi; 300.000 đồng/người/tháng đối với các huyện miền núi và thành phố, thị xã.

Cấp tỉnh: 350.000 đồng/người/tháng.

3. Điều kiện thanh toán chế độ hỗ trợ đối với cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện tại gia đình và cộng đồng: Chỉ được thanh toán khi có tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng cho người nghiện ma túy; mức chi theo quy định tại khoản 2, Điều này.

Điều 11. Các khoản đóng góp và mức đóng góp

Người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện và bắt buộc tại cộng đồng hoặc gia đình của người nghiện ma túy có trách nhiệm đóng góp chi phí tổ chức cai nghiện như sau:

- Chi phí khám sức khỏe; xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn: 300.000,0 đồng/người/lần.

- Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện, cấp cứu: mức 650.000đ/người/lần.

- Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung tại cơ sở điều trị cắt cơn: 40.000,0 đồng/người/ngày.

- Chi phí các hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách, dạy nghề, tạo việc làm sau cai nghiện (nếu có nhu cầu): 3.000.000,0đ/người/khóa học.

Điều 12. Chế độ hỗ trợ

1. Người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại gia đình và cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật được hỗ trợ một lần tiền thuốc điều trị cắt cơn nghiện ma túy mức 450.000,00đ/người/lần chấp hành quyết định.

2. Người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật được hỗ trợ các khoản sau:

- Tiền thuốc điều trị cắt cơn nghiện ma túy mức 450.000,00đ/người/lần chấp hành quyết định.

- Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung: mức 40.000đ/người/ngày, thời gian tối đa không quá 15 ngày.

Điều 13. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

Hàng năm, theo định kỳ 3 hoặc 6 tháng, UBND xã, phường, thị trấn căn cứ vào hồ sơ lưu tại địa phương (hồ sơ tự nguyện cai nghiện ma túy tại gia đình; Đăng ký tự nguyện cai nghiện tại cộng đồng; danh sách hộ nghèo; danh sách gia đình chính sách, thương binh) lập danh sách đối tượng thuộc diện được hỗ trợ (nêu rõ mức đề nghị hỗ trợ đối với từng đối tượng) kèm theo bản y sao Quyết định quản lý tự nguyện cai nghiện tại gia đình hoặc Quyết định cai nghiện tự nguyện tại cộng đồng của từng đối tượng gửi Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định hỗ trợ.

Chương VI

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TIỀN ĐÓNG GÓP VÀ TIỀN HỖ TRỢ CAI NGHIỆN TẠI GIA ĐÌNH VÀ CỘNG ĐỒNG

Điều 14. Quản lý, sử dụng tiền đóng góp

1. Cơ quan, đơn vị được phép tổ chức thu tiền đóng góp phải mở sổ theo dõi chi tiết đối tượng đóng góp, đối tượng được miễn, giảm mức đóng góp; số tiền thu của từng đối tượng đóng góp.

2. Tiền thu đóng góp phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng. Hằng tháng, quý, năm, cơ quan, đơn vị tổ chức thu tiền đóng góp phải công khai kết quả thu và sử dụng tiền đóng góp trước đối tượng đóng góp và trước toàn đơn vị.

Điều 15. Cơ chế quản lý kinh phí hỗ trợ cho người nghiện ma túy tự nguyện cai nghiện lần đầu tại gia đình và cộng đồng.

Hàng năm UBND xã, phường, thị trấn căn cứ vào danh sách đối tượng thuộc diện được hỗ trợ, lập dự toán kinh phí từ nguồn chi đảm bảo xã hội của ngân sách địa phương; nguồn kinh phí đề nghị cấp trên hỗ trợ; lập kế hoạch báo cáo UBND huyện, thị xã, thành phố. UBND huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm kiểm tra, xét duyệt, lập dự toán báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định, tổng hợp gửi Sở Tài chính làm cơ sở cân đối kinh phí theo quy định hiện hành.

UBND xã, phường, thị trấn có trách nhiệm cấp phát kinh phí cho đối tượng được hỗ trợ, đồng thời thực hiện chế độ thanh quyết toán theo cơ chế phân cấp quản lý và các quy định hiện hành.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Có trách nhiệm xem xét, quyết định việc miễn, giảm mức đóng góp đối với người tự nguyện cai nghiện, chữa trị tại Trung tâm.

Phối hợp với Sở Tài chính lập kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện hàng năm trình UBND tỉnh quyết định; tổ chức hướng dẫn Trung tâm Chữa

bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và các địa phương thực hiện, quản lý sử dụng và quyết toán nguồn kinh phí đúng mục đích có hiệu quả. Định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện tại các địa phương, đơn vị, báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Tài chính

Tham mưu bố trí kinh phí thực hiện hằng năm, trình UBND tỉnh; quyết toán kinh phí theo quy định pháp luật.

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra tình hình thực hiện chế độ đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật xử lý vi phạm hành chính; người chưa thành niên nghiện ma túy chữa trị cai nghiện bắt buộc; người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm; chế độ đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cai nghiện tại cộng đồng.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các xã, phường, thị trấn đẩy mạnh công tác cai nghiện tại gia đình và cộng đồng và quản lý sau cai nghiện, chống kỳ thị, đảm bảo cho đối tượng hòa nhập cộng đồng, ổn định cuộc sống, chống tái nghiện.

Chỉ đạo các cơ quan chức năng tiến hành lập hồ sơ đưa đối tượng vào chữa bệnh, cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm theo quy định tại Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Hằng năm tiếp nhận thẩm định hồ sơ và tổng hợp dự toán nhu cầu kinh phí miễn, giảm, hỗ trợ của các xã, phường, thị trấn theo hướng dẫn tại Thông tư Liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐT BXH và Quy định này; báo cáo Liên Sở Tài Chính - Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

Hằng năm, rà soát tình hình người nghiện ma túy trên địa bàn quản lý, phân loại, xây dựng kế hoạch cai nghiện; dự trù kinh phí tổ chức cai nghiện tại gia đình và cộng đồng theo hướng dẫn tại Thông tư Liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐT BXH và Quy định này; báo cáo Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố.

Lập hồ sơ tổ chức cai nghiện tại gia đình và cộng đồng cho người nghiện ma túy theo Nghị định 94/2010/NĐ-CP ngày 09/9/2010; hướng dẫn đối tượng thuộc diện miễn, giảm lập hồ sơ, tổng hợp trình Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố.

5. Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội

Tiếp nhận, hoàn thiện thủ tục và quản lý hồ sơ theo quy định đối với những đối tượng vào chữa bệnh, cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm thuộc diện miễn, giảm, báo cáo Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét quyết định làm cơ sở cho việc thực hiện chế độ đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật xử lý vi phạm hành chính; người chưa thành niên nghiện ma túy chữa trị cai nghiện bắt buộc; người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm; chế độ đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cai nghiện tại cộng đồng.

Hàng năm, căn cứ vào số đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm cai nghiện bắt buộc theo Luật xử lý vi phạm hành chính; người chưa thành niên nghiện ma túy chữa trị cai nghiện bắt buộc; số đối tượng tự nguyện được miễn, giảm lập dự toán báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đăng Quyền

Phạm Đăng Quyền